

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, nợ chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2022/TLST-HN ngày 27 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nợ chung” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**Bị đơn:** Hồ Thị T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Lê Thị D (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

2/ Ông Hồ Công Đ2 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà Hồ Thị Đ

Địa chỉ: xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

Bà Đ ủy quyền lại cho bà Lê Thị D (Có mặt)

4/ Bà Hồ Thị Ng

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Ng ủy quyền lại cho bà Lê Thị D (Có mặt)

5/ Ông Lê Văn Đ1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

### **NỘI D VU ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh H và Chị T tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 2000, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trong nhiều việc, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chia sẻ lẫn nhau, không còn tình cảm yêu thương nhau, nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Bản thân đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tất cả đều không thành nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hồ Thị T.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/7/2003, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 18/3/2006, cháu hiện đang sống với Chị T, anh đồng ý giao cho Chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng theo qui Đ của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống Anh H và Chị T có nợ mẹ ruột là Lê Thị D là 4,5 chỉ vàng 24k. Nợ anh Hồ Công Đ2 số tiền 5.000.000 đồng tiền cất nhà, trong đó tiền xây nhà 8.000.000 đã trả 3.000.000 đồng. Nợ Hồ Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng mượn nhiều lần để tiêu xài trong gia đình và 01 chỉ vàng 24K là tiền mua vỏ lãi để đi mua chuối. Nợ em Hồ Thị Ng số nợ 4 chỉ vàng 24K mượn 02 lần, lần đầu mua vỏ lãi mua chuối, lần sau mượn 03 chỉ 24K để mua xe và 03 lầnhui chết số tiền là 6.000.000 đồng. Nợ cậu Lê Văn Đ1 số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi, đây là số tiền lãi của việc mượn 07 chỉ vàng 24K, Chị T và Anh H chỉ trả được nợ gốc còn lãi thì chưa trả. Anh H thống nhất trả toàn bộ số vàng là 9,5 chỉ vàng 24k cho bà Lê Thị D, Hồ Thị Ng, Hồ Thị Đ và Chị T sẽ trả 16.000.000 đồng cho chị Đ và chị Ng. Riêng đối với số nợ cậu Lê Văn Đ1 thì đây chỉ là tiền lãi của số

vàng đã mượn và nợ anh Hồ Công Đ2 số tiền là 3.000.000 đồng. Do số tiền không lớn và trước đây có nói là đã cho vợ chồng anh và không có yêu cầu nên anh không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Chị thống nhất về thời gian chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh H không còn giữ lòng chung thủy và có quan hệ với người phụ nữ khác, nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn, khuyên ngăn nhưng Anh H vẫn không sửa đổi, trong năm 2017 Anh H đã theo người phụ nữ khác sống như vợ chồng cho đến nay.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc, sinh ngày 17/7/2003, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Quốc Toàn, sinh ngày 18/3/2006, cháu hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo qui Đ của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống Anh H và Chị T có nợ mẹ ruột là Lê Thị D là 4,5 chỉ vàng 24k. Nợ anh Hồ Công Đ2 số tiền 5.000.000 đồng tiền cất nhà, trong đó tiền xây nhà 8.000.000 đã trả 3.000.000 đồng. Nợ Hồ Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng mượn nhiều lần để tiêu xài trong gia đình và 01 chỉ vàng 24K là tiền mua vỏ lãi để đi mua chuối. Nợ em Hồ Thị Ng số nợ 4 chỉ vàng 24K mượn 02 lần, lần đầu mua vỏ lãi mua chuối, lần sau mượn 03 chỉ 24K để mua xe và 03 lầnhui chết số tiền là 6.000.000 đồng. Nợ cậu Lê Văn Đ1 số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi, đây là số tiền lãi của việc mượn 07 chỉ vàng 24K, Chị T và Anh H chỉ trả được nợ gốc còn lãi thì chưa trả. Chị thống nhất Anh H trả 9,5 chỉ vàng 24K cho bà D, chị Ng, chị Đ và chị trả 16.000.000 đồng cho chị Ng, chị Đ. Nhưng Chị T yêu cầu Anh H phải trả số vàng trên trong một lần, như vậy chị mới đồng ý ly hôn với Anh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Trước đây bà có cho Anh H và bà Thu mượn 4,5 chỉ vàng 24K, trong đó có 1,5 chỉ mượn để mua máy suốt lúa, máy chạy mua chuối, sau này mượn thêm 03 chỉ để mua vật liệu xây dựng nhà, khi cho mượn không làm biên nhận và không có tính lãi suất. Nay ông Hậu, bà Thu ly hôn tôi yêu cầu phải trả 4,5 chỉ vàng 24K cho tôi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ yêu cầu giải quyết: Trước đây ông Hậu, bà Thu có mượn 01 chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng, khi mượn không có làm biên nhận và không tính lãi suất. Khi đó ông Hậu, bà Thu mượn để kinh doanh mua bán và chi xài trong gia đình. Nay ông Hậu, bà Thu ly

hôn thì bà Đ yêu cầu phải trả 01 chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng cho bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ng yêu cầu giải quyết: Trước đây ông Hậu, bà Thu có mượn 01 chỉ vàng 24K để mua võ lãi và 03 chỉ vàng 24K để mua xe, đồng thời có hốt hụi của bà Ng và nợ lại 03 tháng tiền hụi chết là 6.000.000 đồng, khi mượn không có làm biên nhận và không tính lãi suất. Khi đó ông Hậu, bà Thu mượn để kinh doanh mua bán và chi xài trong gia đình. Nay ông Hậu, bà Thu ly hôn bà Ng yêu cầu phải trả 04 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng cho bà Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Văn H và chị Hồ Thị T về nghĩa vụ trả nợ chung. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Lê Thị D số vàng 4,5 chỉ vàng 24K, trả cho bà Hồ Thị Đ 01 chỉ vàng 24K và trả cho bà Hồ Thị Ng 04 chỉ vàng 24K. Buộc chị Hồ Thị T phải trả cho bà Hồ Thị Đ 10.000.000 đồng và trả cho bà Hồ Thị Ng số tiền là 6.000.000 đồng.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, nợ chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn Hồ Thị T có địa chỉ tại ấp 6, xã HM, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Công Đ2, Lê Văn Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật Đ nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hồ Thị T được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do Anh H và Chị T bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không còn hòa hợp và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Đối với Chị T thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, hôn nhân không hạnh phúc. Tuy nhiên, Chị T không đồng ý ly hôn do Anh H không trả toàn số vàng cho bà D, bà Ng, bà Đ trong một lần trước khi Chị T ký đơn ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho Anh H và Chị T tiếp tục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để tiếp tục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Riêng đối với thời hạn trả nợ và trả như thế nào thì các đương sự có quyền yêu cầu và giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc, sinh ngày 17/7/2003, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Quốc Toàn, sinh ngày 18/3/2006, cháu hiện đang sống chung với Chị T. Anh H và Chị T thỏa thuận và thống nhất giao cháu Toàn cho Chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và giao cháu Nguyễn Quốc Toàn cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2022. Nguyên đơn thống nhất với yêu cầu của bị đơn về số tiền cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng. Cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, cụ thể bà Lê Thị D yêu cầu ông Hậu, bà Thu phải trả 4,5 chỉ vàng 24K; bà Hồ Thị Đ yêu cầu ông Hậu, bà Thu phải trả 01 chỉ vàng

24K và 10.000.000 đồng; bà Hồ Thị Ng yêu cầu ông Hậu, bà Thu phải trả 04 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn xác Đ khi còn chung sống Anh H và Chị T có nợ bà Lê Thị D số vàng 4,5 chỉ vàng 24K, nợ bà Hồ Thị Đ 01 chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng, nợ bà Hồ Thị Ng 04 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mục đích mượn nợ là để chi xài chung trong cuộc sống gia đình, được Anh H và Chị T thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Do đó, Anh H và Chị T khi ly hôn thì mỗi người đều nghĩa vụ ngang nhau đối với số nợ này. Tuy nhiên, Anh H đồng ý và tự nguyện trả cho bà Lê Thị D 4,5 chỉ vàng 24K, trả cho bà Hồ Thị Đ 01 chỉ vàng 24K và trả cho bà Hồ Thị Ng 04 chỉ vàng 24K nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số tiền nợ bà Hồ Thị Đ 10.000.000 đồng và nợ bà Hồ Thị Ng 6.000.000 đồng thì Anh H yêu cầu chị Hồ Thị T trả số nợ trên. Quá trình giải quyết chị Hồ Thị T đồng ý cho Anh H trả cho bà Lê Thị D 4,5 chỉ vàng 24K, trả cho chị Hồ Thị Đ 01 chỉ vàng 24K và trả cho chị Hồ Thị Ng 04 chỉ vàng 24K. Đồng thời chị Hồ Thị T đồng ý trả cho chị Hồ Thị Đ 10.000.000 đồng và trả cho chị Hồ Thị Ng 6.000.000 đồng. Cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trả nợ của nguyên đơn và bị đơn.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Công Đ2 và Lê Văn Đ1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc giải quyết tranh chấp ly hôn giữa Anh H và Chị T, đồng thời đã ấn Đ thời gian cho các đương sự nộp đơn yêu cầu độc lập nhưng các đương sự vẫn không có văn bản nêu ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Do đó, tranh chấp của các đương sự sẽ được giải quyết ở một vụ án khác, nếu các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn phải nộp theo quy định. Án phí nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui Đ của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT Đ:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 166, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hồ Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/3/2006 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu Nguyễn Quốc T đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2022.

Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn H không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D, chị Hồ Thị Ng, chị Hồ Thị Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Văn H và chị Hồ Thị T về nghĩa vụ trả nợ chung. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Lê Thị D số vàng 4,5 (Bốn phẩy năm) chỉ vàng 24K, trả cho bà Hồ Thị Đ 01 (Một) chỉ vàng 24K và trả cho bà Hồ Thị Ng 04 (Bốn) chỉ vàng 24K. Buộc chị Hồ Thị T phải trả cho bà Hồ Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và trả cho bà Hồ Thị Ng số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày quyết Đ có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết Đ thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008141 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí chia nợ chung: Anh Nguyễn Văn H phải nộp là 2.394.000 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng)

Chị Hồ Thị T phải nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Chị Hồ Thị Đ được nhận lại 388.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008247 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Chị Hồ Thị Ng được nhận lại 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008246 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Tuấn Khanh**



